

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC VỀ XÁC ĐỊNH TUỔI CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO, BỊ HẠI TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ

Võ Hồng Lĩnh*

Bộ môn Luật, Trường Đại học Tây Đô

(Email: linhhong1904@gmail.com)

Ngày nhận: 17/11/2020

Ngày phản biện: 11/12/2020

Ngày duyệt đăng: 22/01/2021

TÓM TẮT

Việc xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại trong giải quyết vụ án hình sự có ý nghĩa rất quan trọng. Xác định chính xác độ tuổi của người bị buộc tội, bị hại là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định việc có truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Trong một số trường hợp là căn cứ để định tội, định khung hình phạt. Hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và văn bản hướng dẫn đã có quy định khá cụ thể về cách xác định tuổi đối với bị can, bị cáo, người bị hại dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, khi áp dụng các quy định này trên thực tế thì đã bộc lộ một số bất cập nhất định như trường hợp khai sinh quá hạn, trường hợp như thế nào là có sự nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu chứng minh về độ tuổi mà bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại khoản 2, Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, cần có những sửa đổi, hướng dẫn để góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trên thực tế.

Từ khóa: Người dưới 18 tuổi, người bị buộc tội, tuổi của bị can, xác định tuổi

Trích dẫn: Võ Hồng Lĩnh, 2021. Một số vướng mắc về xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại trong giải quyết vụ án hình sự. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 11: 108-116.

*Ths. Võ Hồng Lĩnh – Giảng viên Bộ môn Luật, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xác định độ tuổi của người bị buộc tội trong vụ án hình sự là một yêu cầu bắt buộc của các cơ quan tiến hành tố tụng. Ý nghĩa của việc xác định độ tuổi của người bị buộc tội, bị hại có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xử lý, giải quyết các vụ án hình sự, là cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định việc có hay không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người trong một số trường hợp theo luật định Điển hình như:

+ Làm cơ sở để xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định¹.

+ Làm cơ sở để định tội, ví dụ như: Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi²...

+ Làm cơ sở để xác định khung hình phạt, ví dụ như: tội hiếp dâm người dưới

16 tuổi thuộc trường hợp đối với người dưới 10 tuổi³....

+ Làm cơ sở để xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ví dụ như: phạm tội với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên; xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội⁴.

Việc xác định tuổi của người bị buộc tội cũng như bị hại (người tham gia tố tụng) đối với trường hợp chưa đủ 18 tuổi là yêu cầu có tính bắt buộc đối với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Để xác định chính xác về tuổi của họ thì hồ sơ vụ án phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh về tuổi như: giấy khai sinh (hoặc giấy ghi chép ngày tháng, năm sinh đối với trường hợp không sinh tại cơ sở y tế), sổ hộ khẩu gia đình, học bạ, giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân. Nếu thiếu cơ sở chứng minh này, hồ sơ vụ án coi như bị thiếu chứng cứ quan trọng và không thể kết thúc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp không xác định được ngày, tháng, năm sinh của người bị buộc tội, bị hại, hoặc tài liệu dùng làm căn cứ để xác định ngày, tháng, năm sinh không có cơ sở vững chắc do không đảm bảo tính hợp pháp, nhất là đối với người dưới 18 tuổi.

¹ Xem Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

² Các Điều 142, Điều 145 và Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

³ Điểm c khoản 3 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

⁴ Điểm i, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, cần có những quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề này.

Hiện nay, việc xác định tuổi của người bị buộc tội, bị hại vẫn được xác định theo quy định tại Điều 417 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về phối hợp một số quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Thông tư liên tịch số 06/2018).

Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh nhiều trường hợp dẫn đến Cơ quan tiến hành tố tụng phải ra Quyết định trưng cầu giám định tuổi của những đối tượng trên. Vấn đề đặt ra là giám định trong trường hợp nào? Không phải mọi trường hợp đều phải giám định tuổi, vì đây là biện pháp cuối cùng khi không còn biện pháp nào khác để thu thập chứng cứ để xác định tuổi của người bị buộc tội, bị hại dưới 18 tuổi khi tham gia tố tụng.

Nhận thấy còn nhiều bất cập, khó khăn và vướng mắc, nên việc nghiên cứu những hạn chế, vướng mắc của quy định pháp luật và thực tiễn, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quy định này trong việc xác định tuổi của người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự, góp phần giải quyết vụ án hình sự một cách khách quan và toàn diện.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

+ Đối tượng nghiên cứu: là những quy định của pháp luật hiện hành về xác định tuổi của người bị buộc tội, bị hại. Nghiên cứu những chế định pháp luật và thực tiễn áp dụng qua các báo cáo, Bản án công bố trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

+ Phương pháp nghiên cứu: phân tích luật viết; phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh thông qua các bài viết, một số sách, các công trình nghiên cứu có giá trị và pháp lý chuyên ngành, các bản án đã có hiệu lực pháp luật có ý nghĩa hỗ trợ hiệu quả cho việc nghiên cứu.

2. NỘI DUNG VẤN ĐỀ

2.1. Các khái niệm có liên quan

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng: gồm cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra⁵.

Người tham gia tố tụng: là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này⁶.

Người bị buộc tội: gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo⁷.

Bị can: Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự. Quyền và

⁵ Điều a khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

^{6, 7} Điều c, đ khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

nghĩa vụ của bị can là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của Bộ luật này⁸.

Bị cáo: Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Quyền và nghĩa vụ của bị cáo là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của Bộ luật này⁹.

Bị hại: Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra¹⁰.

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là độ tuổi được luật hình sự quy định là điều kiện để một người phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện của mình. Theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự 2015 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250,

251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật Hình sự.

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Đây là mặt chủ thể của một trong những yếu tố cấu thành tội phạm. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự là một điều kiện của chủ thể của tội phạm¹¹. Mặt khác, đây còn là dấu hiệu đặc biệt của thể phải chịu trách nhiệm hình sự, như: người đủ 18 tuổi trở lên, mới phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2.2. Quy định của pháp luật về xác định tuổi

Điều 417 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định về xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi như sau:

“1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

^{8, 9, 10} Điều 60, 61, 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

¹¹ Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2016, trang 140.

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

3. Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi”.

Điều 6 Thông tư liên tịch số 06/2018 quy định phối hợp trong việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi như sau:

“1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Giấy chứng sinh;
- b) Giấy khai sinh;
- c) Chứng minh nhân dân;
- d) Thẻ căn cước công dân;
- đ) Sổ hộ khẩu;
- e) Hộ chiếu.

2. Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài

liệu này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động, sinh hoạt trong việc hỏi, lấy lời khai, xác minh làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của người đó.

Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp nhưng chỉ xác định được khoảng thời gian tháng, quý, nửa đầu hoặc nửa cuối của năm hoặc năm sinh thì tùy từng trường hợp cụ thể căn cứ khoản 2 Điều 417 Bộ luật Tố tụng hình sự để xác định tuổi của họ.

3. Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ.

Ví dụ: Kết luận giám định A có độ tuổi trong khoảng từ 13 tuổi 6 tháng đến 14 tuổi 2 tháng thì xác định tuổi của A là 13 tuổi 6 tháng”.

Đây là những hướng dẫn theo hướng có lợi cho người bị buộc tội, thể hiện tính nhân đạo một cách sâu sắc của Luật Hình sự Việt Nam cần được xem xét lại vì cách tính tuổi này không hoàn toàn có lợi vì khi tuổi bị hại nhỏ, bất lợi – thể hiện sự công bằng chứ không luôn có lợi

cho người bị buộc tội. Ngoài ra, Thông tư liên tịch số 06/2018 cũng không loại trừ trường hợp không biết bị cáo sinh vào ngày tháng năm nào, nếu trường hợp này xảy ra thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng buộc phải trung cầu giám định để xác định năm sinh cho người bị buộc tội, bị hại theo nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội. Bởi lí do không làm xấu đi tình trạng của người bị buộc tội, vì lấy theo nguyên tắc bất lợi thì hậu quả cũng đã xảy ra, không thể quay trở lại như tình trạng ban đầu.

2.3. Một số khó khăn, vướng mắc

2.3.1. Về pháp lí

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 về việc phối hợp trong việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi như sau: *“Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại dưới 18 tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau: Giấy chứng sinh; Giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân; Thẻ căn cước công dân; Sổ hộ khẩu; Hộ chiếu”*.

Theo quy định thì: *“Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em”*¹².

Tuy nhiên, đối với trường hợp không có giấy chứng sinh, có giấy khai sinh nhưng đăng kí khai sinh quá hạn và không trích lục được hồ sơ lưu trữ giấy chứng sinh, thì có được xem là tài liệu hợp pháp không? Hay phải xác minh lời khai của những người biết việc để sử dụng làm căn cứ xác định tuổi?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 206 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định: *“Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó”*.

Như thế nào được xem là nghi ngờ về những tài liệu để xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại. Pháp luật quy định còn bỏ ngõ, mang tính chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng. Nếu giấy khai sinh quá hạn thì có được xem là nghi ngờ về tính xác thực của giấy khai sinh không?

Trong trường hợp giấy khai sinh quá hạn thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải làm rõ lời khai nguyên nhân dẫn đến khai sinh quá hạn. Vậy lời khai của những người biết về sự kiện ngày, tháng, năm sinh của người bị buộc tội, bị hại có được xem là thuộc trường hợp nghi ngờ về tính xác thực hay không?

Với quy định này phát sinh nhiều vướng mắc như: cần làm rõ nguồn giấy khai sinh để làm chứng cứ theo độ tuổi ghi trong giấy khai sinh.

¹² Khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch năm 2014.

Giả sử trường hợp không có giấy chứng sinh thì có bắt buộc phải trưng cầu giám định độ tuổi hay không?

2.3.2. Về mặt thực tiễn

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ. Tuy nhiên, đối với trường hợp xảy ra sự việc chỉ xác định được khoảng “tháng” không xác định được ngày xảy ra sự việc, thì xác định mốc thời gian xảy ra sự việc lấy đầu tháng, giữa tháng hay cuối tháng để làm căn cứ trưng cầu giám định tuổi của người bị buộc tội, bị hại vào thời điểm xảy ra sự việc?

Ví dụ: đối với vụ án “*giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” do thuộc trường hợp phải giám định tuổi, nhưng cả người bị buộc tội và bị hại không xác định được cụ thể “ngày” thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, mà chỉ nhớ “tháng” (hoặc khoảng tháng), thì khi ra quyết định trưng cầu giám định tuổi, lấy mốc thời gian đầu tháng, giữa tháng hay cuối tháng của thời gian xảy ra vụ việc đối tượng giao cấu với bị hại để làm căn cứ tính tuổi của bị hại?

- Hiện nay, còn nhiều trẻ em sinh ra chưa được đăng kí khai sinh đúng hạn, dẫn đến khó khăn trong công tác xác định tuổi khi tham gia tố tụng đối với trường hợp dưới 18 tuổi.

2.4. Giải pháp

2.4.1. Giải pháp về pháp luật

Cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 206 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 theo hướng: “*Không có giấy chứng sinh để làm giấy tờ, tài liệu xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại thì phải trưng cầu giám định tuổi trong mọi trường hợp*”.

Về mặt kỹ thuật lập pháp, tên gọi của Điều 417 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 cần phải sửa lại cụm từ “*người bị hại*” thành “*bị hại*” cho phù hợp và thống nhất theo quy định hiện nay. Mặc dù bị hại dưới 18 tuổi là cá nhân, nhưng quy định chung hiện nay không còn gọi là người bị hại.

3.4.2. Giải pháp về thực tiễn

Liên ngành Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn trường hợp xác định sự kiện pháp lí xảy ra để xác định độ tuổi của bị can, bị cáo, bị hại theo hướng: “*Trong trường hợp không xác định được thời gian cụ thể vào ngày nào xảy ra hành vi phạm tội mà chỉ xác định được tháng hoặc năm thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó hoặc ngày tháng cuối cùng của năm đó để làm mốc thời gian xảy ra sự việc phạm tội làm căn cứ trưng cầu giám định độ tuổi của người bị buộc tội, bị hại*”. Để áp dụng thống nhất trong toàn quốc, tránh tình trạng mỗi địa phương áp dụng giải quyết mỗi cách khác nhau.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên sâu đối với trường hợp xác định độ tuổi của người bị buộc tội, bị hại khi không xác định được sự kiện pháp lí xảy ra, để góp phần giải quyết vụ án một

đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để người dân hiểu rõ về tầm quan trọng của việc đăng kí khai sinh đúng hạn, tạo tiền đề thuận lợi cho việc xác định tuổi của người dưới 18 tuổi khi tham gia vào sự kiện pháp lí.

3. KẾT LUẬN

Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 06/2018 đã quy định về cách xác định tuổi của người bị buộc tội, bị hại chưa đủ 18 tuổi trong từng trường hợp. Tuy nhiên, qua áp dụng thực tiễn còn bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc về cách thức xác định độ tuổi của bị can, bị cáo và bị hại chưa đủ 18 tuổi trong một số trường hợp cụ thể. Nhằm góp phần giải quyết các bất cập hiện tại, cần sửa đổi, bổ sung về pháp luật và thực hiện đồng bộ, thống nhất các giải pháp thực tiễn, để công tác giải quyết vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi một cách khách quan và toàn diện, có giải pháp tương ứng với những nguyên nhân phát sinh khó khăn, vướng mắc về pháp luật và thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực ngày 01/01/2018.

2. Quốc hội, 2015. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 ngày 27/11/2015, có hiệu lực ngày 01/01/2018.

3. Quốc Hội, 2014. Luật Hộ tịch năm 2014 ngày 20/11/2014, có hiệu lực ngày 01/01/2016.

4. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2018. Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về phối hợp một số quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.

5. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2016), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2016.

6. Trang thông tin điện tử: Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019: <https://vietnam.unfpa.org/vi/news/k%E1%BA%Bft-qu%E1%BA%A3-t%E1%BB%95ng-%C4%91i%E1%BB%81u-tra-d%C3%A2n-s%E1%BB%91-v%C3%A0-nh%C3%A0-%E1%BB%9F-n%C4%83m-2019> [truy cập ngày 27/6/2020].

SOME ENTANGLEMENTS IN DETERMINING THE AGE OF SUSPECTS, DEFENDANTS AND VICTIMS IN RESOLVING CRIMINAL CASES

Vo Hong Linh

Department of Laws, Tay Do University

(Email: linhhong1904@gmail.com)

ABSTRACT

The determination of the age of suspects, defendants and victims in resolving criminal cases is of great importance. Determining the exact age of the accused or the victim is the foundation for the competent authority instituting the proceedings to determine whether or not to prosecute the penal liability. In some cases, that is the grounds for impeachment and penalty. Currently, the 2015 Criminal Procedure Code and its guiding documents have the quite specific regulations on how to determine the age for suspects, defendants and victims under 18 years of age. However, when these regulations have been applied in practice, a number of shortcomings have arisen, such as the case of determining the age at the time of the overdue registration of birth, in case of doubt about the authenticity of the documents proving the age that are required to solicit the expertise according to the provisions of Clause 2 of Article 206 of the 2015 Criminal Procedure Code. Therefore, it is necessary to amend and guide to contribute to perfecting the regulations of the law as well as enhancing the effectiveness for application in practice.

Keywords: *Age of suspects, accused, determining the age, people under 18 years old*